

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chiên và ông Dương Văn Vườn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn Ph, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trương Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị S kết hôn ngày 15/10/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng gia đình anh, năm 2013 anh chị ra ở riêng. Quá trình chung sống đến tháng 10/2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh chị nhiều lần cùng nhau dàn xếp nhưng không thành, từ tháng 6/2018 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Hoàng Thị S.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định, vợ chồng có 02 con chung là Trương Văn T, sinh ngày 06/11/2010 và Trương Mỹ Nh (Trương Thu H), sinh ngày 04/4/2014, hiện đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận như anh Ph trình bày là đúng. Chị xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn anh Ph.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung hiện đang ở cùng anh Ph. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi dưỡng cháu Trương Mỹ Nh (Trương Thu H), anh Ph nuôi dưỡng cháu Trương Văn T, chị và anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Ph, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ph và chị S, giao cho anh Ph nuôi dưỡng cháu Trương Văn T, chị S nuôi dưỡng cháu Trương Mỹ Nh (Trương Thu H), không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn Ph có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị S; chị S có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn Ph và chị Hoàng Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, từ tháng 6/2018 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau, anh Ph xin ly hôn chị S cũng đồng ý. Do vậy, hôn nhân của anh Ph và chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Ph, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ph và chị S là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh Ph và chị S xác định vợ chồng có 02 con chung, hiện đang ở với anh Ph. Ly hôn, anh Ph đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung; chị S đề nghị Tòa án giao anh Ph nuôi cháu T, chị nuôi cháu Nh (H); cháu T có nguyện vọng được ở với anh Ph.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh Ph và chị S là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của các bên và nguyện vọng của con chung thấy cần giao cho anh Ph nuôi dưỡng cháu T, chị S nuôi dưỡng cháu Nh (H), không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Trương Văn Ph phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn Ph và chị Hoàng Thị S.

2. Giao cho anh Trương Văn Ph tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Văn T, sinh ngày 06/11/2010; chị Hoàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Mỹ Nh (Trương Thu H), sinh ngày 04/4/2014. Anh Ph và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Anh Trương Văn Ph phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0001187, ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

4. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

